

**TOÀ ÁN NHA DA
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 47/2023/DSST

Ngày 26/7/2023

V/v tranh chấp hui.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHA DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHA DA HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn

-Các Hội thẩm nhA dA:

1/. Bà Dương Thị Tú Phương;

2/. Ông Danh Hưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Văn Trường – Thư ký Tòa án nhA dA huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

T ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhA dA huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “Hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Bà L T T, sinh năm 1952;

Địa chỉ: ấp 8A, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. *Đồng bị đơn:* Ông N V S, sinh năm 1975;

Bà T T A, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp 8B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà T, ông S và bà A có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà L T T trình bày: Bà T T A, ông N V S làm chủ hui, cá nhA bà tham gia 06 dây hui, còn cụ thể từng dây hui, ngày khai hui, ngày đóng hui vào ngày tháng năm nào, số tiền đóng hui bà không nhớ, nhưng khi bà A, ông Xén tuyên bố

bể hụi thì bà với ông Xén, bà A có tính tiền hụi thì ông Xén, bà A thừa nhận còn thiếu bà số tiền 144.500.000 đồng, ông Xén và bà A có hứa trả cho bà số tiền 1.000.000 đồng/1 tháng nhưng không trả. Bà T yêu cầu Tòa án nhA dA huyện Phước Long buộc bà T T A, ông N V S trả tiền hụi số tiền 144.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà T T A, ông N V S có lời khai trình bày: thừa nhận có làm chủ hụi, cá nhA bà L T T có tham gia chơi hụi, còn cụ thể tham gia bao nhiêu chung, ở bao nhiêu dây hụi, ngày khai hụi, ngày đóng hụi vào ngày tháng năm nào, số tiền đóng hụi bà không nhớ, nhưng khi ông, bà tuyên bố bể hụi thì bà T với ông, bà có tính tiền hụi thì ông, bà thừa nhận còn thiếu bà Tring số tiền 144.500.000 đồng, ông và bà có hứa trả cho bà T số tiền 1.000.000 đồng/1 tháng nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có tiền trả. Nay ông, bà đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn xin trả mỗi tháng bằng số tiền 1.000.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dA sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dA sự, tuyên bố đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của của bà T đòi ông S, bà A trả tiền lãi theo quy định pháp luật. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đòi ông S, bà A trả tiền hụi số tiền 144.500.000 đồng. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí trên số tiền trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có T hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T khởi kiện ông S, bà Âm về tranh chấp nợ hụi tại Tòa án nhA dA huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; Ông S, bà A có địa chỉ cư trú tại ấp 8B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhA dA huyện Phước Long được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T, ông S và bà A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên việc xét xử vắng mặt bà T, ông S và bà A là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L T T đòi ông N V S, bà T T A trả tiền hụi còn thiếu tổng số tiền 144.500.000 đồng: Cả bà T, ông S và bà A đều thừa nhận, tính đến thời điểm hiện tại ông S, bà A còn thiếu tiền hụi của bà T số tiền 144.500.000 đồng và đây là nợ chung của ông S, bà A. Xét thấy, sự thừa nhận của các đương sự

là tài liệu, chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, vì lẽ đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đòi ông S, bà A trả tiềnhui số tiền 144.500.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật của bà T: Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật trên số tiền 144.500.000 đồng. Tuy nhiên, T quá trình giải quyết vụ án, bà T có yêu cầu rút lại yêu cầu khởi kiện này. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà T rút lại yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, vì vậy căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự tuyên bố đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật của bà T.

[5] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí xét xử dA sự có giá ngạch: buộc ông S, bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 quy định về Họ, Hui, Biêu, Phường.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật của bà L T T đối với ông N V S, bà T T A trên số tiền hui 144.500.000 đồng.

2/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L T T đòi ông N V S, bà T T A trả tiền hui bằng số tiền 144.500.000 đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

3/. Buộc ông N V S, bà T T A có nghĩa vụ trả cho bà L T T số tiền hui bằng số tiền 144.500.000 đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

T trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dA sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dA sự năm 2015.

4/. Về án phí: Buộc ông N V S, bà T T A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 7.225.000 đ (Bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dA sự huyện Phước Long. Bà L T T thuộc đối tượng miễn nộp tiền tạm ứng án phí có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

“Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dA sự thì người được thi hành án dA sự, người phải thi hành án dA sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dA sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dA sự”.

Án xử sơ thẩm dA sự công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án T hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn